

# XÂY DỰNG KHUNG LÝ THUYẾT VÀ THIẾT KẾ BẢNG HỎI ĐỂ NGHIÊN CỨU NHÂN CÁCH THẨM PHÁN TRONG HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ

Bùi Kim Chi

*Trưởng Đại học Luật Hà Nội.*

Trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN hiện nay ở nước ta, đổi mới tổ chức hoạt động của các cơ quan tư pháp nói chung, đổi mới tổ chức, nâng cao năng lực, chất lượng và hiệu quả hoạt động xét xử (HĐXX) của tòa án nói riêng luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước ta. Nghị quyết 08 - NQ/TW ngày 02 - 01 - 2002 của Bộ Chính trị “*Về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới*” và Nghị quyết 49 - NQ/TW ngày 02 - 06 - 2005 của Bộ Chính trị “*Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*” đều khẳng định việc đổi mới tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp, trong đó lấy tòa án và HĐXX của tòa án làm trung tâm.

Trong HĐXX, thẩm phán giữ vai trò trung tâm cùng hội đồng xét xử làm nhiệm vụ xét xử các vụ án hình sự, hành chính và các vụ việc dân sự. Kết quả của hoạt động này là ra một quyết định, một bản án bảo vệ lợi ích Nhà nước, tổ chức xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Thẩm phán được Nhà nước giao chức năng độc lập phán quyết về các tranh chấp pháp lý, tuyên bố một người có tội và áp dụng hình phạt đối với người phạm tội. Để thực hiện có chất lượng, hiệu quả chức năng, nhiệm vụ cao cả được giao đó, thẩm phán phải đáp ứng đầy đủ những mặt cơ bản trong nhân cách như chính trị - tư tưởng, đạo đức - lối sống, năng lực chuyên môn...

Dưới góc độ tâm lý học, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện những nét, những mặt cơ bản trong nhân cách để từ đó xây dựng mô hình nhân cách thẩm phán trong HĐXX. Vì vậy, khi tiếp cận, nghiên cứu vấn đề này, chúng tôi phải tự xây dựng khung lý thuyết cũng như thiết kế công cụ đo lường các nét, các mặt cơ bản trong nhân cách thẩm phán.

## 1. Xây dựng khung lý thuyết

Để xây dựng mô hình lý thuyết, chúng tôi xuất phát từ việc nghiên cứu các yêu cầu đặc trưng trong HĐXX của thẩm phán như sau:

- Công bằng, vô tư, khách quan trong HĐXX.
- Độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật là yêu cầu quan trọng trong HĐXX của thẩm phán.
- Thể hiện bản lĩnh nghề nghiệp trong HĐXX.
- Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong HĐXX.
- HĐXX của thẩm phán phải tuân thủ một trình tự pháp lý hết sức chặt chẽ và dưới sự giám sát nghiêm ngặt của xã hội và của công dân.

Từ đó chúng tôi đã thực hiện các bước nghiên cứu như:

Khảo sát hoạt động thực tiễn của toà án nói chung, thẩm phán nói riêng.

Trao đổi và phỏng vấn mở với một số khách thể như: Chánh án, phó chánh án, chánh tòa, phó chánh tòa, các thẩm phán lâu năm trong ngành, các chuyên viên và các nghiên cứu viên (Vụ Tổ chức cán bộ TAND tối cao, Viện Khoa học xét xử, Viện Khoa học pháp lý), các giảng viên (Trường đại học Luật Hà Nội, Học viện Tư pháp) về các nét và các mặt cơ bản trong nhân cách thẩm phán.

Phát phiếu phỏng vấn mở, hỏi về những mặt cơ bản trong nhân cách thẩm phán khi tham gia HĐXX. Trên cơ sở đó tổng kết, phát hiện và giả thiết trong HĐXX, thẩm phán thường thể hiện những mặt cơ bản trong nhân cách như: Chính trị - tư tưởng, đạo đức - lối sống, năng lực chuyên môn, tự ý thức làm chủ bản thân và trạng thái tinh thần ổn định.

Như vậy, để nghiên cứu cấu trúc nhân cách thẩm phán, đề tài tìm hiểu và phát hiện ra năm mặt cơ bản, năm mặt này được cụ thể hóa bằng 20 nét nhân cách, các nét nhân cách được cụ thể hóa bằng những biểu hiện khác nhau khi thẩm phán tham gia hoạt động nghề nghiệp. Từ đó, chúng tôi tự xây dựng một bảng hỏi nhằm phát hiện thực trạng các mặt, các nét nhân cách thẩm phán trong HĐXX theo một quy trình gồm các bước:

- *Bước 1:* Xác định chức năng, nhiệm vụ của thẩm phán trong HĐXX.
- *Bước 2:* Xây dựng mô hình lý thuyết nhân cách về các mặt cần đo. Xác định cấu trúc phép đo gồm có các mặt, mỗi mặt có các nét, mỗi nét có các biểu hiện cụ thể.
- *Bước 3:* Viết các item cho từng chỉ số đo đặc, sao cho có được số lượng item nhiều nhất có thể để tuyển chọn được những item có nội dung và hình thức biểu đạt phù hợp nhất.

- *Bước 4:* Hiệu lực hoá item (tuyển chọn mỗi item nhằm đo một chỉ số nhất định, đo đúng cái cần đo; item có ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu).

Bảng hỏi được xây dựng dựa trên những nguyên tắc cơ bản như: được xây dựng theo cấu trúc thứ bậc; dựa trên những kết quả nghiên cứu ở góc độ TLH; các thang đo được xây dựng theo một quy trình hợp lý; đáp ứng những đòi hỏi về tiêu chuẩn đo lường; đánh giá độ tin cậy và độ hiệu lực.

## **2. Thiết kế công cụ để nghiên cứu các mặt và các nét nhân cách của thẩm phán trong HĐXX**

Để đo lường các mặt và các nét nhân cách của thẩm phán trong HĐXX đảm bảo yêu cầu đo đúng cái cần đo, đảm bảo có độ hiệu lực, độ tin cậy và phù hợp, chúng tôi cụ thể hoá từng mặt và từng nét nhân cách của thẩm phán thành những tiêu chí cụ thể, phù hợp với mục đích nghiên cứu. Chúng tôi xây dựng và phát triển gần 200 item, đảm bảo yêu cầu mỗi item có diễn đạt phù hợp, dễ hiểu và tính đơn nghĩa. Sau nhiều lần chỉnh sửa, chúng tôi chỉ giữ lại 180 item bao quát hết 5 mặt nhân cách. Sau đó, chúng tôi sắp xếp các item vào phiếu hỏi và viết lời hướng dẫn.

Tất cả các item đều được điểm số hoá theo một tiêu chuẩn thống nhất sau đây:

- 0: Rất không đúng, rất không đồng ý.
- 1: Không đúng, không đồng ý.
- 2: Đôi khi đúng, đúng một phần.
- 3: Thường là đúng như vậy, đồng ý về cơ bản.
- 4: Rất đúng, hoàn toàn đúng, hoàn toàn đồng ý.

Trong bảng hỏi có thiết kế một số item “theo chiều nghịch”, cách cho điểm ngược lại. Lời hướng dẫn cũng như cách tiến hành điều tra được thống nhất trên tất cả các khách thể điều tra. Mỗi khách thể được phát một phiếu hỏi và lần lượt trả lời từng câu hỏi trong đó. Sau khi đọc kỹ các câu hỏi và các phương án trả lời, khách thể nghiên cứu đánh dấu (x) vào phương án trả lời phù hợp.

## **3. Điều tra thử, kiểm tra độ tin cậy và độ hiệu lực của bảng hỏi**

Sau khi điều tra thử lần đầu, với bảng hỏi bao gồm 180 item với khách thể là 124 thẩm phán. Qua phân tích kết quả cho thấy, đa số các item có hệ số tương quan  $> 0,30$  chỉ có 10 item có tương quan tương đối yếu (gồm các item 34, 54, 18, 81, 74, 93, 26, 155, 03, 123), những item này phải điều chỉnh, sửa chữa cho thích hợp. Có 16 item có tương quan rất yếu (gồm các item 119, 53, 35, 58, 96, 29, 87, 80, 180, 176, 04, 05, 95, 60, 130, 31), những item này cần

phải viết lại hoặc loại bỏ. Có 2 item lạc sang miền đo khác (item 89 và 50), các item này cần phải loại bỏ.

Trong quá trình điều tra thử, chúng tôi thu thập tất cả những thông tin phản hồi để phát hiện những vấn đề liên quan đến phiếu điều tra (thời gian tối đa và tối thiểu cho một người trả lời xong toàn bộ phiếu hỏi, những item không rõ nghĩa, đa nghĩa hoặc tối nghĩa, các item làm cho người trả lời lúng túng, khó trả lời hoặc không muốn trả lời...). Tất cả thông tin này được xử lý nhằm hoàn thiện phiếu điều tra trước khi điều tra trên diện rộng. Toàn bộ số liệu được xử lý trên phần mềm chuyên dụng SPSS phiên bản 11.0.

Sau khi điều tra thử lần đầu, chúng tôi tiếp tục sửa chữa, bổ sung và điều chỉnh bảng hỏi để điều tra thử lần thứ hai. Bảng hỏi gồm 160 item, đối tượng điều tra gồm 97 thẩm phán và 102 học viên.

**Bảng 1: Độ tin cậy của phép đo nhân cách trên mẫu thử (N = 199)**

| Các mặt nhân cách          | Các nét nhân cách               | Hệ số tin cậy (102 HV) | Hệ số tin cậy (97 TP) |
|----------------------------|---------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chính trị tư tưởng         | Lý tưởng phấn đấu               | 0,5474                 | 0,6048                |
|                            | Bản lĩnh chính trị              | 0,5762                 | 0,6032                |
|                            | Bản lĩnh nghề nghiệp            | 0,5390                 | 0,6193                |
|                            | Yêu nước, tự hào dân tộc        | 0,4648                 | 0,5652                |
|                            | Tính tích cực xã hội            | 0,6580                 | 0,7632                |
| Đạo đức lối sống           | Tôn trọng và tuân thủ pháp luật | 0,5183                 | 0,6833                |
|                            | Trung thực thẳng thắn           | 0,5559                 | 0,6780                |
|                            | Công bằng, vô tư, khách quan    | 0,6384                 | 0,6299                |
|                            | Thận trọng cân nhắc kỹ lưỡng    | 0,5535                 | 0,7092                |
|                            | Tác phong công nghiệp           | 0,5036                 | 0,7029                |
|                            | Giản dị, tiết kiệm, lành mạnh   | 0,5506                 | 0,6114                |
| Năng lực chuyên môn        | Năng lực xét xử                 | 0,6601                 | 0,7902                |
|                            | Năng lực giải quyết vấn đề      | 0,7066                 | 0,8126                |
|                            | Năng lực giao tiếp tổ tụng      | 0,7355                 | 0,6947                |
|                            | Năng lực giáo dục pháp luật     | 0,7222                 | 0,7994                |
|                            | Năng lực tự học                 | 0,6232                 | 0,7085                |
| Tự ý thức làm chủ bản thân | Tính mục đích, tính kế hoạch    | 0,6648                 | 0,7912                |
|                            | Tự ý thức trách nhiệm cá nhân   | 0,6758                 | 0,7933                |
|                            | Tính kỷ luật                    | 0,4204                 | 0,6746                |
| Tinh thần ổn định          | Trạng thái tinh thần ổn định    | 0,6447                 | 0,7635                |
| Tổng phép đo               |                                 | 0,9419                 | 0,9518                |

Kết quả tính toán được trình bày trong bảng này cho thấy, các thang đo ở từng nét nhân cách đều có  $\alpha > 0,50$  và toàn bộ phép đo về tổng các nét nhân cách trên mẫu thử là học viên với  $\alpha = 0,9419$ , với thẩm phán  $\alpha = 0,9518$

Qua bảng này cho thấy, hệ số tin cậy của toàn bộ phép đo tổng (các mặt nhân cách) trên mẫu thử đủ cao, đáp ứng được yêu cầu về độ tin cậy của trắc nghiệm. Ngoài ra, độ tin cậy của từng item được kiểm tra bằng cách tính hệ số tương quan giữa điểm số của từng item với điểm số của các item còn lại của toàn bộ phép đo. Những item nào có hệ số tương quan  $< 0,20$  được coi là item có độ tin cậy thấp, không phù hợp, cần phải sửa chữa, thiết kế lại hoặc loại bỏ. Những item nào có hệ số tương quan  $> 0,30$  được coi là item có độ tin cậy đảm bảo.

Kết quả phân tích mẫu thử  $N = 199$  cho thấy, phiếu hỏi xây dựng để điều tra những biểu hiện trong nhân cách của thẩm phán trong HĐXX được xem là có độ tin cậy và độ hiệu lực phù hợp. Ngoại trừ một số item có độ tin cậy và độ hiệu lực chưa phù hợp phải loại bỏ còn tất cả các item còn lại của phiếu hỏi đều có độ tin cậy và độ hiệu lực đảm bảo yêu cầu thiết kế. Sau khi điều tra thử, chúng tôi chỉ giữ lại trong bảng hỏi 157 item bao quát 5 mặt cơ bản trong nhân cách thẩm phán như sau:

1. *Chính trị - tư tưởng* bao gồm: lý tưởng phấn đấu; bản lĩnh chính trị; bản lĩnh nghề nghiệp; yêu nước, tự hào dân tộc và tính tích cực xã hội.

2. *Đạo đức - lối sống* gồm: Tôn trọng và tuân thủ pháp luật; trung thực thẳng thắn; công bằng, vô tư, khách quan; thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng; tác phong công nghiệp; giản dị, tiết kiệm, lành mạnh.

3. *Năng lực chuyên môn* gồm: Năng lực xét xử; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực giao tiếp trong tố tụng; năng lực giáo dục pháp luật; năng lực tự học.

4. *Tự ý thức, làm chủ bản thân* gồm: Tính mục đích và tính kế hoạch; tự ý thức trách nhiệm cá nhân; tính kỷ luật.

5. *Trạng thái tinh thần ổn định*.

Nghiên cứu những biểu hiện trong nhân cách của thẩm phán trong HĐXX với 335 thẩm phán ở các TAND địa phương trên 3 miền Bắc, Trung, Nam. Sau khi, xử lý kết quả điều tra, chúng tôi còn phân tích tương quan điểm của các mặt cơ bản trong cấu trúc nhân cách của thẩm phán. Giữa các mặt trong cấu trúc nhân cách được điều tra có mối tương quan đáng kể  $r > 0,409$ . Kết quả này một lần nữa khẳng định mô hình nhân cách được xây dựng bao gồm 5 mặt: chính trị - tư tưởng, đạo đức - lối sống, năng lực chuyên môn, tự ý thức làm chủ bản thân và trạng thái tinh thần ổn định phù hợp với thực tiễn HĐXX, đảm bảo độ tin cậy và độ hiệu lực.

**Bảng 2:** Về độ tương quan điểm của các mặt cơ bản trong nhân cách thẩm phán

| Các mặt | Chính trị tư tưởng | Đạo đức lối sống | Năng lực chuyên môn | Tự ý thức làm chủ bản thân | Trạng thái tinh thần ổn định |
|---------|--------------------|------------------|---------------------|----------------------------|------------------------------|
| CT - TT | 1,00               |                  |                     |                            |                              |
| ĐĐLS    | 0,789*             | 1,00             |                     |                            |                              |
| NLCM    | 0,716*             | 0,820*           | 1,00                |                            |                              |
| TYT     | 0,793*             | 0,865*           | 0,787*              | 1,00                       |                              |
| TTTT    | 0,531*             | 0,441*           | 0,421*              | 0,409*                     | 1,00                         |

\*  $P = < 0,0001$ .

*Tóm lại:* Để xây dựng công cụ đo lường một cách khoa học, chúng tôi xuất phát từ thực tiễn HĐXX của thẩm phán; thông qua các phương pháp quan sát, chuyên gia, phát phiếu mở để hỏi về các mặt cơ bản trong nhân cách của thẩm phán. Từ đó, xây dựng khung lý thuyết, cụ thể hoá các mặt cơ bản thành 20 nét nhân cách. Để tránh sai sót của quá trình thiết kế, xây dựng công cụ đo đạc, chúng tôi đã phân tích các nét nhân cách thành nhiều yếu tố khác nhau để xây dựng các item có số lượng nhiều nhất, dễ hiểu, phù hợp và đơn nghĩa, đảm bảo phù hợp với mục đích nghiên cứu là các mặt cơ bản trong nhân cách của thẩm phán. Sau khi chúng tôi tiến hành điều tra thử, kết quả cho thấy công cụ xây dựng để đo đạc 5 mặt cơ bản trong nhân cách của thẩm phán trong HĐXX là phù hợp, đảm bảo độ tin cậy, độ hiệu lực và phù hợp với mục đích nghiên cứu.

### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Công Khanh. *Đánh giá và đo lường trong khoa học xã hội*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
2. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. *Luật tổ chức Toà án nhân dân*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
3. Phạm Văn Lợi. *Chế định thẩm phán - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. NXB Tư pháp, Hà Nội, 2003.